



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,  
Thành phố Hồ Chí Minh

---

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-26
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-26



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,  
Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, số Giấy phép đăng ký kinh doanh mới của Công ty là 0301471330.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Hoàng Đăng Doanh	Ủy viên
Ông Phan Thông	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Cự	Ủy viên
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Cảnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Thông	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Sỹ Nhượng	Trưởng ban
Bà Phùng Thị Nga	Thành viên
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;





Số: 74 /2012/BC.KTTC-AASC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được lập ngày 26 tháng 03 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiêm ngặt nhất, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù định ý kiến kiểm toán viên ở trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng: Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo quy định của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp và theo đó chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo. Tuy nhiên, theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" thì các khoản chênh lệch do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính. Vì vậy, nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với số tiền là 6.249.192.056 VND sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất trong năm.

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Bùi Văn Thảo  
Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Anh Ngọc  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 1437/KTV

5-01  
HÀNG  
S. T. V.  
H. H. C.  
J. T. V.  
H. K. E.  
M. T.  
H. A. V.  
T. P. V.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>252.007.124.013</b>	<b>218.408.697.299</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>182.384.648.852</b>	<b>128.180.011.501</b>
111	1. Tiền		79.255.048.852	61.080.011.501
112	2. Các khoản tương đương tiền		103.129.600.000	67.100.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>28.932.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	28.932.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>62.645.195.720</b>	<b>55.280.932.190</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		13.236.133.257	9.185.060.867
132	2. Trả trước cho người bán		353.715.631	480.888.250
135	5. Các khoản phải thu khác	<b>4</b>	49.055.346.832	45.614.983.073
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.977.279.441</b>	<b>6.015.753.608</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		876.569.748	523.939.445
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	156.164.227
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>5</b>	1.340.183.887	462.328
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	<b>6</b>	4.760.525.806	5.335.187.608
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>192.375.404.330</b>	<b>179.260.906.832</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>110.980.119.775</b>	<b>107.889.322.602</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>7</b>	92.013.426.756	94.580.826.521
222	- Nguyên giá		117.839.092.567	115.491.044.126
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.825.665.811)	(20.910.217.605)
227	3. Tài sản cố định vô hình	<b>7</b>	9.568.197.566	9.718.560.044
228	- Nguyên giá		9.935.024.453	9.935.024.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(366.826.887)	(216.464.409)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>8</b>	9.398.495.453	3.589.936.037
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>79.200.556.448</b>	<b>69.655.872.892</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		77.594.994.448	68.050.310.892
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.605.562.000	1.605.562.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.194.728.107</b>	<b>1.715.711.338</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>10</b>	1.114.921.977	679.747.198
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.079.806.130	1.035.964.140
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>444.382.528.343</b>	<b>397.669.604.131</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>222.984.856.838</b>	<b>193.723.735.266</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>222.903.208.643</b>	<b>193.459.392.505</b>
312	2. Phải trả người bán		14.797.958.864	31.750.912.232
313	3. Người mua trả tiền trước		18.198.291.596	31.883.191.685
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	7.958.776.597	6.393.731.863
315	5. Phải trả người lao động		942.984.905	6.893.986.020
316	6. Chi phí phải trả		119.527.273	113.345.455
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	181.004.514.159	115.482.849.429
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(118.844.751)	941.375.821
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>81.648.195</b>	<b>264.342.761</b>
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		349.432.695	264.342.761
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		(267.784.500)	-
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>208.555.715.197</b>	<b>191.065.781.261</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	13	<b>208.555.715.197</b>	<b>191.065.781.261</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		82.899.818.054	82.899.818.054
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.636.112.600	33.636.112.600
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		6.249.192.056	4.103.403.715
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.264.374.396	5.198.067.208
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		78.506.218.091	65.228.379.684
439	<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>12.841.956.308</b>	<b>12.880.087.604</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>444.382.528.343</b>	<b>397.669.604.131</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		2.127.209,02	2.132.769,00



Võ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng



Trần Nguyên Hùng  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2012



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	210.422.198.046	182.712.157.811
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		210.422.198.046	182.712.157.811
11	4. Giá vốn hàng bán	15	136.307.654.278	128.212.646.294
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		74.114.543.768	54.499.511.517
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	16.047.901.749	13.440.339.145
22	7. Chi phí tài chính	17	7.346.827.925	3.668.266.820
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		63.733.450.010	44.322.281.533
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		19.082.167.582	19.949.302.309
31	11. Thu nhập khác	18	1.150.390.100	2.160.639.357
32	12. Chi phí khác		101.110.921	248.990.144
40	13. Lợi nhuận khác		1.049.279.179	1.911.649.213
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		16.074.559.458	17.071.483.320
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.206.006.219	38.932.434.842
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		5.037.152.518	5.793.441.357
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		31.168.853.701	33.138.993.485
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.262.747.295	1.978.913.531
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		29.906.106.406	31.160.079.954
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	3.607	3.759



Võ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng



Trần Nguyễn Hùng  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**


(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		36.206.006.219	38.932.434.842
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		5.076.413.268	5.549.544.543
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.883.936.453)	(5.886.541.537)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.398.483.034	38.595.437.848
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.750.419.650)	(15.001.406.393)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		9.368.616.498	40.288.726.390
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(787.805.082)	(247.074.911)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.469.845.772)	(5.689.886.504)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	66.203.956.643
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(54.567.041.504)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		28.759.029.028	69.582.711.569
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.704.000.618)	(7.322.993.029)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.700.000	231.818.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		-	(31.432.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		28.932.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.833.380.897	12.733.871.293
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		29.064.080.279	(25.789.303.554)
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.434.971.500)	(5.861.749.703)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.434.971.500)	(5.861.749.703)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		45.388.137.807	37.931.658.312
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		128.180.011.501	88.588.231.444
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		8.816.499.544	1.660.121.745
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>182.384.648.852</u>	<u>128.180.011.501</u>

  
Võ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng



  
Trần Nguyễn Hùng  
Phòng Giám đốc

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2011**

**1 . THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 063595 ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 25/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, số Giấy phép đăng ký kinh doanh mới của Công ty là 0301471330 .

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 82.899.818.054 VND. Tương đương 8.289.982 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quảng Ninh	Số 10 Đường Lê Thành Tông, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hải Phòng	Commercial Building, Số 22 Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hà Nội	Trung tâm Thương mại Văn Hồ, Số 51 Đường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng	Lô 39, Đường số 02, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quy Nhơn	Số 99 Đường Phan Đình Phùng, Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Vũng Tàu	Số 04 Đường Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Xi nghiệp Đại lý Hàng hải và Giao nhận Hải Phòng	Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**Công ty có các công ty con sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi	Số 6A Đường Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Phòng 419 - 420 - 421, TD - Business Center, Lô 20A, Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Hải Phòng

**Công ty có các công ty liên kết sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Số 473 Đường Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa;
- Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán thực phẩm tươi sống, đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất, mua bán bao bì, chèn lót;
- Đóng gói bao bì hàng hóa;
- Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), hàng thủy, hải sản;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng, máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Sản xuất, gia công quần áo, giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê vỏ container;
- Phát chuyển nhanh hàng hóa.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

S-01  
ANH  
T. TY  
K. H. C.  
T. U.  
K. E.  
T. T. C.  
I. N. C.  
P. H.  
K. H. C.  
T. U.  
K. E.  
T. T. C.  
I. N. C.  
P. H.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	35 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý và quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 447,1 m<sup>2</sup> đất tại số nhà 209 Nguyễn Văn Thù, Phường Đakao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với thời gian sử dụng lâu dài;
- Quyền sử dụng 9.488,4 m<sup>2</sup> đất tại Lô 39, Đường số 2, Khu Công nghiệp Dã Nẳng, Thành phố Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm.

**Các khoản đầu tư dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" thì các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 6.249.192.056 VND sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2011.



### Ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### Các khoản thuế

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,  
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	4.643.050.577	5.776.790.000
Tiền gửi ngân hàng	71.435.758.531	54.260.460.501
Tiền đang chuyển	3.176.239.744	1.042.761.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng)	103.129.600.000	67.100.000.000
	<b>182.384.648.852</b>	<b>128.180.011.501</b>

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu cước xuất phòng Air	7.187.856.947	14.709.006.811
Phải thu cước xuất phòng Sea	3.542.592.261	1.455.220.010
Phải thu cước THC phòng Sea	-	226.129.100
Phải thu cước nhập các hãng đại lý	1.110.465.208	787.527.167
Phải thu bảo hiểm xã hội nộp thừa	23.692.022	284.000
Phải thu các khoản đã chi hộ Freight World Pte. Ltd	18.783.122.581	13.486.651.505
Phải thu cước phí vận tải cho Freight World Pte. Ltd	2.221.895.216	3.988.441.925
Phải thu hộ cho SITC Container Lines Co.,Ltd	15.237.889.281	10.388.370.511
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	50.555.556	-
Phải thu khác	897.277.760	573.352.044
	<b>49.055.346.832</b>	<b>45.614.983.073</b>

**5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.088.969.692	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	251.214.195	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	462.328
	<b>1.340.183.887</b>	<b>462.328</b>

**6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	2.057.258.788	2.427.566.190
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.703.267.018	2.907.621.418
	<b>4.760.525.806</b>	<b>5.335.187.608</b>

7 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VỐ HÌNH

	Nhà ctm, vật kiến trúc		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Quyền sử dụng đất		Phần mềm kế toán		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>												
Số dư đầu năm	86.800.204.854	25.646.394.712	3.044.444.560	9.882.524.453	52.500.000	125.426.068.579						
Số tăng trong năm	-	2.750.772.275	215.488.910	-	-	2.966.261.185						
- Mua sắm mới	-	2.174.728.364	215.488.910	-	-	2.390.217.274						
- Tăng khác	-	576.043.911	-	-	-	576.043.911						
Số giảm trong năm	-	(27.714.288)	(590.498.456)	-	-	(618.212.744)						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(27.714.288)	-	-	-	(27.714.288)						
- Giảm khác	-	-	(590.498.456)	-	-	(590.498.456)						
Số dư cuối năm	86.800.204.854	28.369.452.699	2.669.435.014	9.882.524.453	52.500.000	127.774.117.020						
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>												
Số dư đầu năm	10.601.886.091	8.384.141.591	1.924.189.923	199.293.714	17.170.695	21.126.682.014						
Số tăng trong năm	2.161.431.704	2.559.679.345	263.104.677	132.862.476	17.500.002	5.134.578.204						
- Trích khấu hao	2.161.431.704	2.501.514.409	263.104.677	132.862.476	17.500.002	5.076.413.268						
- Tăng khác	-	58.164.936	-	-	-	58.164.936						
Số giảm trong năm	-	(7.390.464)	(61.377.056)	-	-	(68.767.520)						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.390.464)	-	-	-	(7.390.464)						
- Giảm khác	-	-	(61.377.056)	-	-	(61.377.056)						
Số dư cuối năm	12.763.317.795	10.936.430.472	2.125.917.544	332.156.190	34.670.697	26.192.492.698						
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>												
Số dư đầu năm	76.198.318.763	17.262.253.121	1.120.254.637	9.683.230.739	35.329.305	104.299.386.565						
Số dư cuối năm	74.036.887.059	17.433.022.227	543.517.470	9.550.368.263	17.829.303	101.581.624.322						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

4.345.736.438 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,  
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>9.398.495.453</b>	<b>1.431.053.527</b>
- Tòa nhà văn phòng công ty	9.398.495.453	1.431.053.527
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>-</b>	<b>2.158.882.510</b>
- Kho Quận 7 - TP. HCM	-	1.455.500.000
- Kho tại Tp. Đà Nẵng	-	703.382.510
	<b><u>9.398.495.453</u></b>	<b><u>3.589.936.037</u></b>

**9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>77.594.994.448</b>	<b>68.050.310.892</b>
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) <sup>(1)</sup>	72.090.443.610	63.448.079.938
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam <sup>(2)</sup>	5.504.550.838	4.602.230.954
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>1.605.562.000</b>	<b>1.605.562.000</b>
	<b><u>79.200.556.448</u></b>	<b><u>69.655.872.892</u></b>

**Đầu tư vào công ty liên kết**

(1) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	TP. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ GN quốc tế và KD vận tải

Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (Bên A), Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ (Bên B), Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service (Bên C) vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Bên B góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Bên C góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

Thông tin tóm tắt về tình hình tài chính của các công ty liên kết:

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán của công ty liên kết	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Tài sản ngắn hạn	295.361.224.623	214.369.188.758
- Tài sản dài hạn	8.777.998.715	12.698.339.117
- Nợ ngắn hạn	113.282.248.568	70.607.408.004
- Nợ dài hạn	955.617.591	1.169.835.921
<b>Giá trị tài sản thuần</b>	<b><u>189.901.357.179</u></b>	<b><u>155.290.283.950</u></b>
<b>Phần sở hữu trong tài sản thuần của công ty liên kết</b>	<b><u>85.455.610.731</u></b>	<b><u>69.880.627.778</u></b>
Số liệu trên BCKQHDKD của công ty liên kết	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu thuần	593.608.924.286	823.704.471.584
Lợi nhuận sau thuế	33.024.828.271	36.554.110.255
<b>Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của của công ty liên kết</b>		
Tổng doanh thu	267.124.015.929	370.667.012.213
Lợi nhuận sau thuế	14.861.172.722	16.449.349.615

**Dầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)**

(2) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	23,00%	23,00%	DV vận tải, kho vận và giao nhận

Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (Bên A), Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn (Bên B), Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt (Bên C), KCTC (Bên D) và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 26/11/2008 vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Bên B góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Bên C góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

Thông tin tóm tắt về tình hình tài chính của các công ty liên kết:

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán của công ty liên kết	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Tài sản ngắn hạn	36.557.036.237	21.624.730.787
- Tài sản dài hạn	15.623.307.620	11.945.335.616
- Nợ ngắn hạn	28.506.769.456	13.819.621.622
<b>Giá trị tài sản thuần</b>	<b>23.673.574.401</b>	<b>19.750.444.781</b>
<b>Phần sở hữu trong tài sản thuần của công ty liên kết</b>	<b>5.444.922.112</b>	<b>4.542.602.300</b>
Số liệu trên BCKQHDKD của công ty liên kết	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu	142.446.639.750	67.292.664.233
Lợi nhuận sau thuế	5.275.594.504	2.704.929.152
Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của của công ty liên kết		
Tổng doanh thu	32.762.727.143	15.477.312.774
Lợi nhuận sau thuế	1.213.386.736	622.133.705
<b>Dầu tư dài hạn khác</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dầu tư cổ phiếu (Công ty Vinalines logictis)	1.500.000.000	1.500.000.000
Dầu tư trái phiếu	5.000.000	5.000.000
Dầu tư dài hạn khác (Thẻ hội viên gold)	100.562.000	100.562.000
	<b>1.605.562.000</b>	<b>1.605.562.000</b>

31/12/11  
 CHINH CÔNG  
 KIỂM TRA  
 CH VU T  
 CHINH I  
 A KIEM  
 TP. HA  
 HUY TP.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,  
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	629.737.016	393.370.446
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	460.965.937	286.376.752
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.219.024	-
	<u><b>1.114.921.977</b></u>	<u><b>679.747.198</b></u>

**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	983.784.976	726.985.188
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	927.129.658	2.108.608.717
Thuế Thu nhập cá nhân	402.763.401	842.870.519
Các loại thuế khác	5.645.098.562	2.715.267.439
	<u><b>7.958.776.597</b></u>	<u><b>6.393.731.863</b></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	999.759.400	704.949.144
Bảo hiểm xã hội	12.238.800	82.140.155
Bảo hiểm y tế	17.374.000	309.600
Bảo hiểm thất nghiệp	-	137.600
Thuế nhà thầu phải trả theo Bill	3.748.430.082	2.253.435.406
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.283.700.000	27.309.100.000
Phải trả cước nhập các hãng đại lý	23.345.377.211	22.569.058.755
Phải trả các chi nhánh SAFI	4.934.225.802	9.630.516.935
Thuế cước	-	160.845
Phải trả cước thu hộ hãng tàu	85.841.051.172	36.787.470.944
Phải trả về các khoản thu hộ khác	18.812.870.896	13.926.214.976
Phải trả, phải nộp khác	2.009.486.796	2.219.355.069
	<u><b>181.004.514.159</b></u>	<u><b>115.482.849.429</b></u>

SỐ  
ẢNH  
TY  
HỮU  
Ư V  
Ế T  
TOA  
NỘI  
HSC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,  
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND				VND	VND		
Số dư đầu năm trước	82.899.818.054	33.636.112.600	888.575.222	-	3.281.512.944	42.102.572.606	162.808.591.426		
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	31.160.079.954	31.160.079.954		
Phân phối LN năm 2009	-	-	-	-	-	(7.978.099.029)	(6.061.544.765)		
Công ty mẹ	-	-	-	-	-	(52.951.234)	(52.951.234)		
Phân phối LN năm 2009 các công ty con	-	-	(888.575.222)	-	-	-	(888.575.222)		
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	4.103.403.715	-	-	-	4.103.403.715		
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	-	-	-	-		
Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.222.613)	(3.222.613)		
Số dư cuối năm trước	82.899.818.054	33.636.112.600	4.103.403.715	-	5.198.067.208	65.228.379.684	191.065.781.261		
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	29.906.106.406	29.906.106.406		
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ (1)	-	-	-	-	4.095.486.009	(6.161.793.197)	-		
Chi trả cổ tức năm trước (1)	-	-	-	-	-	(12.434.971.500)	(12.434.971.500)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty mẹ (1)	-	-	-	-	-	(2.066.307.189)	(2.066.307.189)		
Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con (2)	-	-	-	-	-	(60.682.122)	(60.682.122)		
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(4.103.403.715)	-	-	-	(4.103.403.715)		
Tặng khác (3)	-	-	-	-	-	4.095.486.009	4.095.486.009		
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	6.249.192.056	-	-	-	6.249.192.056		
Giảm khác (3)	-	-	-	-	-	-	(4.095.486.009)		
Số dư cuối năm nay	82.899.818.054	33.636.112.600	6.249.192.056	-	7.264.374.396	78.506.218.091	208.555.715.197		



11-11-2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,  
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01-2011/NQ-DHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2011, Công ty mẹ thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

Nội dung	Số tiền
- Trích Quỹ Dự phòng tài chính	2.066.307.188
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	4.095.486.009
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.066.307.189
- Chi trả cổ tức	12.434.971.500
<b>Tổng</b>	<b>20.663.071.886</b>

(2) Các công ty con thực hiện phân phối lợi nhuận trong năm 2010 trong năm 2011, cụ thể như sau:

Nội dung	Công ty TNHH SITC Việt Nam		Công ty Liên doanh đại lý vận tải Cosfi		Bảo cáo hợp nhất
	Lợi nhuận phân phối	Trong đó, lợi ích của công ty mẹ	Lợi nhuận phân phối	Trong đó, lợi ích của công ty mẹ	
- Chi trả cổ tức	1.972.692.984	1.006.073.422	VND	VND	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	118.984.552	60.682.122	1.962.080.078	1.000.660.840	60.682.122
<b>Tổng</b>	<b>2.091.677.536</b>	<b>1.066.755.544</b>	<b>1.962.080.078</b>	<b>1.000.660.840</b>	<b>60.682.122</b>

(3) Công ty sử dụng Quỹ Đầu tư phát triển được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm để bù đắp lợi nhuận chưa phân phối bị làm do ảnh hưởng của việc Công ty tăng vốn chủ sở hữu từ Quỹ Đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009.

VIỆT NAM  
HÀNG TRẠI  
DỊCH VỤ  
CHẾ BIẾN

VIỆT NAM  
HÀNG TRẠI  
DỊCH VỤ  
CHẾ BIẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,  
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.899.818.054	82.899.818.054
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>82.899.818.054</i>	<i>82.899.818.054</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>82.899.818.054</i>	<i>82.899.818.054</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.434.971.500	4.144.990.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>12.434.971.500</i>	<i>4.144.990.500</i>

**c) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.289.982	8.289.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.289.982	8.289.982
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.289.982</i>	<i>8.289.982</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.289.982	8.289.982
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.289.982</i>	<i>8.289.982</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**d) Các quỹ công ty**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ dự phòng tài chính	7.264.374.396	5.198.067.208
	<u>7.264.374.396</u>	<u>5.198.067.208</u>

**14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	210.422.198.046	182.712.157.811
	<u>210.422.198.046</u>	<u>182.712.157.811</u>

**15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	136.307.654.278	128.212.646.294
	<u>136.307.654.278</u>	<u>128.212.646.294</u>

**16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	9.883.936.453	5.886.541.537
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.163.965.296	7.553.797.608
	<u>16.047.901.749</u>	<u>13.440.339.145</u>

TT05  
 NHÀ  
 NG  
 NH  
 NH K  
 NIEM T  
 PHA H  
 TP 1

01/01/2011  
 31/12/2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,  
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.346.446.310	3.667.189.288
Chi phí tài chính khác	381.615	1.077.532
	<b>7.346.827.925</b>	<b>3.668.266.820</b>

**18 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Phi thu hộ không phải trả	1.108.123.734	1.890.057.837
Thu nhập khác	42.266.366	270.581.520
	<b>1.150.390.100</b>	<b>2.160.639.357</b>

**19 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.206.006.219	38.932.434.842
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.037.088.620)	(15.758.669.413)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.499.521.560	1.312.813.907
- Các khoản điều chỉnh giảm	(8.536.610.180)	(17.071.483.320)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	29.168.917.599	23.173.765.429
Tổng lợi nhuận tính thuế	29.168.917.599	23.173.765.429
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.407.748.596	5.793.441.357
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(370.596.078)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.037.152.518</b>	<b>5.793.441.357</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.108.608.717	2.005.053.864
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(6.469.845.772)	(5.689.886.504)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>675.915.463</b>	<b>2.108.608.717</b>

**20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	29.906.106.406	31.160.079.954
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.906.106.406	31.160.079.954
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.289.982	8.289.982
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.607</b>	<b>3.759</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN  
 ĐẠI LÝ VẬN TẢI  
 SAFI  
 ĐƠN VỊ  
 CHẾ TẠO

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**Số 39, Đường Đoàn Nhu Hải, Phường 12, Quận 4,  
Thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**22 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động logistic		Hoạt động forwarding		Dịch vụ đại lý hàng tau		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	112.162.633.277	46.875.598.430	51.383.966.339				210.422.198.046	
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>10.171.484.684</b>	<b>4.250.920.450</b>	<b>4.659.762.448</b>				<b>19.082.167.582</b>	
Tổng chi phí mua tài sản cố định	5.671.264.725	2.576.827.360	1.455.908.533				9.704.000.618	
Tài sản không phân bổ	251.876.526.525	163.298.473.570	29.207.528.248				444.382.528.343	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>251.876.526.525</b>	<b>163.298.473.570</b>	<b>29.207.528.248</b>				<b>444.382.528.343</b>	
Nợ phải trả của các bộ phận	112.875.228.517	60.657.261.572	49.452.366.749				222.984.856.838	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>112.875.228.517</b>	<b>60.657.261.572</b>	<b>49.452.366.749</b>				<b>222.984.856.838</b>	

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.





23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



Võ Thị Phương Lan  
Kế toán trưởng



Trần Nguyên Hùng  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2012

